

BẢN SAO

**UBND HUYỆN GIA LÂM
XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN GIA LÂM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/06/2015**

Tháng 08 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm (gọi tắt là “Xí nghiệp”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Xí nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Xí nghiệp trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Huy Nam	Giám đốc
Ông Dương Mạnh Lương	Phó Giám đốc
Bà Huỳnh Thị Thu Hiền	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

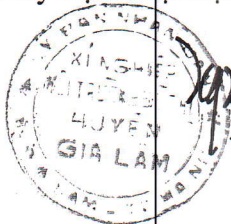
Ban Giám đốc Xí nghiệp có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Xí nghiệp trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Xí nghiệp sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Xí nghiệp ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Xí nghiệp và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Xí nghiệp đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Huy Nam
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Ban Giám đốc Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm (gọi tắt là “Xí nghiệp”), được lập ngày 25/08/2015, từ trang 05 đến trang 18, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Xí nghiệp chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Xí nghiệp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Xí nghiệp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Xí nghiệp liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Xí nghiệp. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Xí nghiệp chưa hạch toán và ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định của Mục 2, Điều 4 Thông tư 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính về “*Chế độ quản lý và tính hao mòn tài sản cố định trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng nguồn vốn nhà nước*” và Điều 4 Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về “*xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất*”, do chưa được Sở Tài chính thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị của 02 lô đất được UBND thành phố Hà Nội giao quyền sử dụng đất không thu tiền, cụ thể: Mảnh đất thuộc xã Kiều Kỵ với tổng diện tích là 111.159 m² được giao năm 1999 và năm 2002; mảnh đất thuộc xã Dương Xá với tổng diện tích là 5.310 m² được giao năm 2005 và 2006. Theo đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về giá trị của các tài sản này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện Gia Lâm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm tại ngày 30/06/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 12 của bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm được lập cho mục đích sát nhập vào Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100105535-013 ngày 11/08/2015 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Xí nghiệp hoạt động liên tục vì toàn bộ số liệu tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn của Xí nghiệp được chuyển sang Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Dương Đình Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1699-2013-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Đỗ Dương Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2904-2014-055-1

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		33.297.504.357	37.613.673.014
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.111.662.626	20.276.997.788
1. Tiền	111	5	9.111.662.626	20.276.997.788
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.467.530.930	16.344.118.516
1. Phải thu khách hàng	131		22.340.528.496	16.242.528.016
2. Trả trước cho người bán	132		65.255.428	101.590.500
5. Các khoản phải thu khác	135	6	61.747.006	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.718.310.801	992.556.710
1. Hàng tồn kho	141	7	1.718.310.801	992.556.710
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		50.801.873.524	59.833.718.156
II. Tài sản cố định	220		49.775.986.140	58.090.129.156
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	48.726.434.140	48.222.289.156
- Nguyên giá	222		108.288.196.924	104.417.250.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.561.762.784)	(56.194.961.769)
3. Tài sản cố định vô hình	227		888.800.000	888.800.000
- Nguyên giá	228		888.800.000	888.800.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	160.752.000	8.979.040.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.025.887.384	1.743.589.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.025.887.384	1.743.589.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		84.099.377.881	97.447.391.170

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		10.858.880.421	14.678.629.994
I. Nợ ngắn hạn	310		10.858.880.421	14.678.629.994
2. Phải trả người bán	312		1.775.696.319	2.188.326.337
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	5.374.647.663	7.634.779.934
5. Phải trả người lao động	315		418.550.000	1.849.450.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	9.770.731
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.289.986.439	2.996.302.992
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		73.240.497.460	82.768.761.176
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	23.625.263.320	33.657.672.020
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.902.996.059	29.176.487.661
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		722.267.261	1.281.184.359
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	3.200.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		49.615.234.140	49.111.089.156
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		49.615.234.140	49.111.089.156
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		84.099.377.881	97.447.391.170

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		1.643.083.120	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Ghi Nhớ

Nguyễn Ghi Nhớ

Nguyễn Huy Nam

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

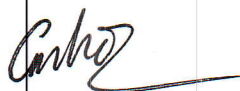
Mẫu số B 02 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	44.048.693.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	13	44.048.693.339
4. Giá vốn hàng bán	11	14	36.928.797.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.119.895.437
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	39.962.439
7. Chi phí tài chính	22		-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.561.932.968
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.597.924.908
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.597.924.908
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	222.095.891
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.375.829.017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015
 Giám đốc







Nguyễn Ghi Nhớ

Nguyễn Ghi Nhớ

Nguyễn Huy Nam

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

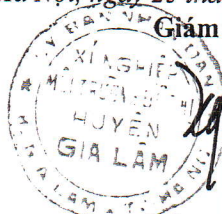
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.597.924.908
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.962.439)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.557.962.469
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.123.412.414)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(725.754.091)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.531.668.911)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		717.701.616
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(300.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(594.011.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.999.182.602)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.516.431.999)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.962.439
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.476.469.560)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		310.317.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		310.317.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(11.165.335.162)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		20.276.997.788
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	9.111.662.626

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Ghi Nhớ

Nguyễn Ghi Nhớ

Nguyễn Huy Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện Gia Lâm (gọi tắt là “Xí nghiệp”) được thành lập theo Quyết định số 1547/QĐ-UB ngày 04/08/1994 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Quyết định số 2822/QĐ-UB ngày 18/05/2001 về việc “Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ và giao chỉ tiêu biên chế, chỉ tiêu hợp đồng lao động Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện Gia Lâm năm 2001”. Theo đó, Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện Gia Lâm là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại kho bạc, ngân hàng, được sử dụng con dấu riêng. Tổ chức bộ máy Xí nghiệp Môi trường Đô thị huyện Gia Lâm do Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm quy định, được UBND thành phố giao biên chế hàng năm.

Nhiệm vụ chính của Xí nghiệp

- Quản lý và làm vệ sinh các công trình công cộng ở các thị trấn thuộc huyện Gia Lâm: Quản lý hệ thống đèn đường chiếu sáng; trồng tỉa, chăm sóc vườn hoa cây cảnh, cây xanh; vệ sinh nơi công cộng, vỉa hè, lòng đường, nạo vét, khơi thông cống rãnh; thu gom, phân loại, xử lý chế biến phế thải,...;
- Thực hiện theo hợp đồng các dịch vụ vệ sinh môi trường; thu lệ phí vệ sinh công cộng theo quy định của Nhà nước;
- Lập kế hoạch xây dựng, tu sửa, cải tạo các công trình công cộng theo kinh phí hàng năm được phê duyệt.

Tình hình biên chế, lao động, quỹ lương

Số cán bộ công nhân viên Xí nghiệp tại ngày 30/06/2015 là 557 người, trong đó: Biên chế, hợp đồng dài hạn là 552 người, Hợp đồng ngắn hạn là 05 người.

Tổng quỹ lương thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là 21.241.764.245 VND (bao gồm tiền lương, công, phụ cấp theo lương).

Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ cơ bản được giao cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 cụ thể như sau:

- Quản lý duy tu thường xuyên các tuyến đường: Hạng mục quản lý duy tu thường xuyên 12 tuyến đường liên xã.
- Quản lý duy tu thường xuyên các tuyến đường giao thông liên xã do huyện Gia Lâm quản lý: Đường nhựa 10,30 km; đường bê tông xi măng 5,15 km;
- Công tác quản lý, duy trì hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện Gia Lâm: 105 km;
- Khối lượng nước rác xử lý tại khu xử lý phế thải sinh hoạt đô thị Kiều Kỵ đạt 2.590 m³;
- Vận hành khu xử lý Kiều Kỵ: Xử lý được 1.294.559 tấn rác thải.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 để phục vụ mục đích sắp nhập Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm vào Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 03/05/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp được ban hành tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Riêng báo cáo tài chính này được lập theo Quyết định 15/206/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để phục vụ mục đích sáp nhập Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm vào Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 03/05/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Xí nghiệp áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

4.3. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định thực hiện theo Thông tư 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý và tính hao mòn tài sản cố định trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng nguồn vốn nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Xí nghiệp áp dụng phương pháp tính hao mòn theo phương pháp đường thẳng. Thời gian tính hao mòn cụ thể của từng loại tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
- Máy móc thiết bị	15
- Phương tiện vận tải	08-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08-10

4.4. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Xí nghiệp là quyền sử dụng đất không thời hạn tại trụ sở chính.

Xí nghiệp ghi nhận tài sản cố định vô hình và hao mòn tài sản cố định vô hình theo Thông tư 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý và tính hao mòn tài sản cố định trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng nguồn vốn nhà nước.

Xí nghiệp không tính hao mòn quyền sử dụng đất không thời hạn.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận tiền lương

Quỹ tiền lương trong năm của Xí nghiệp được xác định theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp bao gồm thu từ cung cấp dịch vụ duy trì vệ sinh trên địa bàn quận Long Biên; dịch vụ xử lý rác, dịch vụ thu gom rác, các dịch vụ vệ sinh môi trường khác...và thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng.

Thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- Có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối tài khoản;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.6. Nguyên tắc ghi nhận thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh (tiếp theo)

Thu từ cung cấp dịch vụ duy trì vệ sinh trên địa bàn huyện Gia Lâm và quận Long Biên quý 2 hàng năm được ước tính và ghi nhận căn cứ vào hồ sơ quyết toán được Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm và quận Long Biên phê duyệt vào tháng 7/2015.

Thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là thu hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

4.7. Nguyên tắc trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập từ chênh lệch thu chi của các hoạt động sau khi đã trừ đi các khoản thuế phải nộp nhà nước phù hợp với quy chế tài chính của Xí nghiệp, Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Thông tư số 71/2006/TT-BTC, cụ thể:

- Chênh lệch thu chi hoạt động sự nghiệp: Trích 100% vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- Chênh lệch thu chi hoạt động đặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh: Trích tối thiểu bằng 25% chênh lệch thu chi vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; trích 10% chênh lệch thu chi vào quỹ dự phòng ổn định thu nhập; trích không quá 03 tháng lương ngạch bậc vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Số còn lại sau khi đã trích lập các quỹ theo tỷ lệ trên và chi trả thu nhập tăng thêm sẽ được trích tiếp vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

4.8. Thuế

Thuế giá trị gia tăng

Xí nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xí nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là: 10% chênh lệch thu chi của hoạt động môi trường thuộc lĩnh vực xã hội hóa và 22% chênh lệch thu chi của hoạt động khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4.9. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Xí nghiệp xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Xí nghiệp bao gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.9. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Xí nghiệp xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Xí nghiệp bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Xí nghiệp có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5. TIỀN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	718.738.800	491.012.509
Tiền gửi ngân hàng	8.392.923.826	19.785.985.279
Cộng	9.111.662.626	20.276.997.788

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	41.321.263	-
Phải thu khác	20.425.743	-
Cộng	61.747.006	-

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nguyên liệu, vật liệu	216.831.189	221.610.830
Công cụ, dụng cụ	1.501.479.612	770.945.880
Cộng	1.718.310.801	992.556.710
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(-)	(-)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.718.310.801	992.556.710

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃU SỐ B 09 - DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Tại ngày 01/01/2015	41.083.775.044	12.900.103.925	48.060.775.500	2.372.596.456	104.417.250.925
Tăng trong năm	-	-	3.768.255.091	102.690.908	3.870.945.999
Mua sắm	-	-	-	102.690.908	102.690.908
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	3.768.255.091	-	3.768.255.091
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	41.083.775.044	12.900.103.925	51.829.030.591	2.475.287.364	108.288.196.924
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	23.848.417.088	7.693.839.000	22.843.517.550	1.809.188.131	56.194.961.769
Tăng trong năm	907.078.069	762.054.745	1.617.454.397	80.213.804	3.366.801.015
Hao mòn trong năm	907.078.069	762.054.745	1.617.454.397	80.213.804	3.366.801.015
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	24.755.495.157	8.455.893.745	24.460.971.947	1.889.401.935	59.561.762.784
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	17.235.357.956	5.206.264.925	25.217.257.950	563.408.325	48.222.289.156
Tại ngày 30/06/2015	16.328.279.887	4.444.210.180	27.368.058.644	585.885.429	48.726.434.140

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 18.525.191.368 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

**Từ ngày 01/01/2015
 đến ngày 30/06/2015
 VND**

Số đầu kỳ	8.979.040.000
Tăng trong kỳ	4.445.338.091
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành ghi nhận tài sản	3.768.255.091
Giảm khác (*)	9.495.371.000
Số cuối kỳ	160.752.000

(*) Giảm khác là do:

- Xí nghiệp thực hiện xây dựng công trình “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào trường Mầm non thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm” được giao theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 06/8/2013 và Quyết định phê duyệt quyết toán số 1226/QĐ-UBND ngày 23/03/2014 về việc phê duyệt quyết toán của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm với số tiền là: 3.509.361.000 VND, phần kinh phí không được duyệt Xí nghiệp đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền: 956.000 VND.

- Xí nghiệp thực hiện xây dựng công trình “Cải tạo, nâng cấp chân đê rác tại các xã: Kim Lan, Trung Mậu, Yên Thường, Dương Quang, Đình Xuyên, Dương Hà, Phù Đồng, Đa Tốn, Lệ Chi và Kim Sơn, huyện Gia Lâm” được giao theo Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 và Quyết định phê duyệt quyết toán số 4645/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc phê duyệt quyết toán của Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm với số tiền là: 5.945.091.000 VND, phần kinh phí không được duyệt Xí nghiệp đã nộp trả số tiền: 39.963.000 VND.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.025.887.384	1.743.589.000
Cộng	1.025.887.384	1.743.589.000

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.276.693.100	7.466.042.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.176.563	167.080.672
Thuế thu nhập cá nhân	8.778.000	1.656.932
Cộng	5.374.647.663	7.634.779.934

UBND HUYỆN GIA LÂM

XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN GIA LÂM

Số 211 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Đơn vị tính: VND Cộng
Tại ngày 01/01/2015	29.176.487.661	1.281.184.359	-	3.200.000.000	33.657.672.020
Tăng trong kỳ này	3.542.545.397	537.582.902	-	310.317.000	4.390.445.299
Lãi trong kỳ này	-	-	5.375.829.017	-	5.375.829.017
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(5.375.829.017)	-	(5.375.829.017)
Giảm trong kỳ (**)	(9.816.036.999)	(1.096.500.000)	-	(3.510.317.000)	(14.422.853.999)
Tại ngày 30/06/2015	22.902.996.059	722.267.261	-	-	23.625.263.320

(*) Xí nghiệp thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế:

Chỉ tiêu

1. Trích lập các quỹ

1.1 Trích quỹ phúc lợi

1.2 Trích quỹ khen thưởng

1.3 Trích quỹ ổn định thu nhập

1.4 Trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

2. Trả thu nhập tăng thêm

Cộng

Từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015

4.680.029.017
1.739.823.447
50.000.000
537.582.902
2.352.622.668
695.800.000
5.375.829.017

(**) Giám trong kỳ là do:

- Giám "Quỹ đầu tư phát triển" và "Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành xem thêm tại thuyết minh số 9.
- Giám "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" là tiền chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MAU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

13. DOANH THU

Từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/06/2015

VND

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ

44.048.693.339

Các khoản giảm trừ

-

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

44.048.693.339

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/06/2015

VND

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

36.928.797.902

Cộng

36.928.797.902

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/06/2015

VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

39.962.439

Cộng

39.962.439

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ ngày 01/01/2015

đến ngày 30/06/2015

VND

Tổng lợi nhuận kế toán (1)

5.597.924.908

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán

Các khoản điều chỉnh tăng (2)

-

Chi phí không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp

-

Các khoản điều chỉnh giảm (3)

3.436.015.406

Lợi nhuận từ hoạt động theo đơn đặt hàng của Nhà nước

3.436.015.406

Lỗ năm trước chuyển sang (4)

-

Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)

2.161.909.502

Thu nhập chịu thuế suất 22% (6)

49.207.844

Thu nhập chịu thuế suất 10% (7)

2.112.701.658

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm

222.095.891

hiện hành (8)=(6)*22%+(7)*10%

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào
chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (9)

-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (10)=(8)+(9)

222.095.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09 - DN

17. THÔNG TIN KHÁC

Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội – Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100105535-013 ngày 11/08/2015 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Xí nghiệp áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.9.

	Giá trị ghi sổ 30/06/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.111.662.626	20.276.997.788
Phải thu khách hàng	22.340.528.496	16.242.528.016
Các khoản phải thu khác	61.747.006	-
Cộng	31.513.938.128	36.519.525.804
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	1.775.696.319	2.188.326.337
Các khoản phải trả khác	-	9.770.731
Cộng	1.775.696.319	2.198.097.068

Xí nghiệp chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Xí nghiệp Môi trường đô thị huyện Gia Lâm đã được kiểm toán. Một số số liệu được trình bày lại cho phù hợp với số tiêu năm hiện hành.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Giám đốc

Nguyễn Ghi Nhớ

Nguyễn Ghi Nhớ

Nguyễn Huy Nam